

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 14 tháng 02 năm 2025  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Phước và ông Huỳnh Tài Em

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 306/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Diễm T**, 1993. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

\* Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoài T1**, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T1 tự nguyện quen biết trên tinh thần tự nguyện, chung sống vợ chồng từ năm 2014, đến ngày 28/8/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Từ khi kết hôn đến nay, vợ chồng sống chung với nhau tại nhà cha mẹ ruột của bà tại ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T1 thường xuyên ghen tuông vô cớ, gây sự chửi bới; trước đây có đánh đập vợ; ông T1 không có trách nhiệm với vợ con; trong khi thời gian gần đây ông T1 thường xuyên ra ngoài ở, ít khi về nhà; quan điểm trong cuộc sống gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hiện nay, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến nay, bà nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, việc tiếp tục chung sống chỉ làm khổ cho cả hai người và cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã cũng làm ảnh hưởng đến tâm lý, tương lai của các

con. Nay bà thấy cuộc sống hôn nhân không thể nào hàn gắn được, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông T1 và tình trạng hôn nhân vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên bà cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T1.

+ Về con chung: Bà và ông T1 có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Thị Diễm K, sinh ngày 13/12/2018 (hiện hai cháu đang ở với bà). Nay ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Thị Diễm K, sinh ngày 13/12/2018.

Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Bị đơn ông T1 đã được Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử hợp lệ nhưng đều vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết nội dung vụ án. Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Có đủ sơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Diễm T đối với ông Nguyễn Hoài T1.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Thị Diễm K, sinh ngày 13/12/2018 cho bà Nguyễn Diễm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Hoài T1 có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà T yêu cầu ly hôn với ông T1, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện H, tỉnh Bạc

Liêu nên Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình thụ lý giải quyết vụ án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Bà T và ông T1 tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[2.1.2] Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng được bà T xác định là: Do giữa bà và ông T1 không có tiếng nói chung; không hợp tính tình; thường xuyên cãi vã; ông T1 không quan tâm chăm sóc gia đình; vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng đã sống ly thân, ông T1 bỏ mặc vợ con; thời gian về sau phát sinh mâu thuẫn càng nhiều, càng gây gắt, không thể nào hàn gắn được. Nay bà thấy cuộc sống hôn nhân không thể nào hàn gắn được, tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng nữa nên bà cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T1.

[2.1.3] Hội đồng xét xử - Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình nhưng nay bà T cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T1. Tòa án có thông báo triệu tập ông T1 nhưng ông T1 không quan tâm, không đến Tòa án và không có thiện chí hàn gắn, cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng thì vợ chồng cũng không thể hàn gắn đoàn tụ để chung sống tiếp tục. Hơn nữa bà T xác định không thể tiếp tục chung sống, đã sống ly thân, cũng như không còn tình cảm với ông T1 và cương quyết yêu cầu được ly hôn chứng tỏ sự rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của cả hai không có khả năng hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, việc hàn gắn đoàn tụ phải trên cơ sở tự nguyện, phải xuất phát từ cả hai phía. Đồng thời, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, bà T yêu cầu được ly hôn và xác định không thể tiếp tục chung sống với ông T1 thì việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được.

[2.1.4] Từ phân tích nêu trên cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông T1 theo quy định tại **Điều 56** Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1] Quá trình chung sống bà T và ông T1 có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Thị Diễm K, sinh ngày 13/12/2018.

Hiện các con chung đang sống chung với bà T.

[2.2.2] Tại biên bản tiếp xúc ghi nhận ý kiến con chưa thành niên em Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Thị Diễm K, sinh ngày 13/12/2018: Các con có nguyện vọng muốn sống chung cùng mẹ.

[2.2.3] Quá trình giải quyết vụ án bà T có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Thị Diễm K, sinh ngày 13/12/2018. Sau khi thụ lý vụ án thì Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T1, quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T1 không có ý kiến gì gửi đến Tòa án về việc ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[2.2.4] Hội đồng xét xử xét thấy: Cả hai con chung Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Thị Diễm K, sinh ngày 13/12/2018 đều có nguyện vọng sống chung với mẹ. Đây là sự tự nguyện của các con, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với yêu cầu của bà T. Do đó, việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là có cơ sở và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con. Do đó, đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T. Giao con chung tên Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Thị Diễm K, sinh ngày 13/12/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung; ông T1 cũng không thể hiện ý kiến của mình về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về tài sản chung: Bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét. Về nợ chung: Bà T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Ông T1 cũng không thể hiện ý kiến của mình về việc chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng: Bà T yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng.

[5] Chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Diễm T đối với ông Nguyễn Hoài T1. Cho bà Nguyễn Diễm T ly hôn với ông Nguyễn Hoài T1.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Thị Diễm K, sinh ngày 13/12/2018 cho bà Nguyễn Diễm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Hoài T1 có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Diễm T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Nguyễn Diễm T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005659 ngày 16/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hoàn Bình;
- CCTHADS huyện Hòa Bình;
- Ủy ban nhân dân Nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

**Thị Mỹ Hằng**